TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG** TỈNH TIỀN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 198/2024/DSST
Ngày: 24/9/2024
V/v tranh chấp: "*Hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Nhi.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Văn Đương
Ông Trần Thanh Tùng
***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phùng Anh Thy - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Phú Đông;
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông, không tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 9 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 146/2024/TLST-DS, ngày 08 tháng 7 năm 2024, về việc tranh chấp: *"Hợp đồng vay tài sản"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 175/2024/QĐXXST- DS, ngày 05 tháng 9 năm 2024 giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Hà Thị Kim T, sinh năm 1992
Địa chỉ: Ấp A, xã V, huyện T, tỉnh Tiền Giang.
Đại diện theo ủy quyền: Chị Đỗ Thị Thu N, sinh năm 1985.
Địa chỉ: K 3, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.
- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Tiến T, sinh năm: 1980.
Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.
(Chị N, anh T có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn chị Hà Thị Kim T có người đại diện theo ủy quyền là chị Đỗ Thị Thu N trình bày:*
Ngày 11/7/2023, anh T có vay của chị Thoa 70.000.000 đồng. Khi vay, thỏa

thuận lãi suất 6%/tháng, nhưng không ghi việc trả lãi vào hợp đồng. Thời hạn vay 01 (một) năm, Ngày trả tiền là 11/7/2024, tiền lãi trả vào ngày 11 hàng tháng. Khi vay, có làm *"Hợp đồng vay tài sản không có biện pháp bảo đảm"*, có chứng thực tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Hoàng K vào ngày 11/7/2023. Sau khi vay, anh T có trả tiền lãi được 03 tháng thì ngưng từ ngày 12/10/2023 cho đến nay, chưa trả tiền vay. Chị T đã nhiều lần yêu cầu anh T trả tiền nhưng anh T hẹn dần nhưng không thực hiện.

Nay chị T yêu cầu anh T trả cho chị T số tiền vay còn nợ là 70.000.000 đồng và yêu cầu trả tiền lãi tiếp từ ngày 12/10/2023 đến ngày xét xử 23/9/2024 làm tròn là 11 tháng, với mức lãi suất là 1,66%/tháng thành tiền lãi là 12.782.000 đồng. Tổng cộng tiền vay, tiền lãi chị T yêu cầu anh T trả là 82.782.000 đồng, yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

** Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Tiến T trình bày:*

Ngày 11/7/2023, tôi có vay của chị T 70.000.000 đồng, có làm *"Hợp đồng vay tài sản không có biện pháp bảo đảm"*, tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Hoàng K vào ngày 11/7/2023. Khi vay tiền có thỏa thuận mức lãi suất là 6%/tháng. Sau khi ký hợp đồng vay tiền, chị T chỉ đưa tôi số tiền 60.900.000 đồng vì chị T đã trừ phí công chứng và tiền lãi tháng của tháng thứ nhất tổng cộng là 9.100.000 đồng.

Sau khi vay, tôi đã trả cho chị T được 06 tháng tiền lãi tổng cộng là 21.000.000 đồng, cụ thể như sau: Ngày 11/7/2023 trả số tiền 4.200.000 đồng, ngày 11/8/2023 trả số tiền 4.200.000 đồng, ngày 11/9/2023 trả số tiền là 4.200.000 đồng, ngày 11/10/2023 trả số tiền 4.100.000 đồng, ngày 11/11/2023 trả số tiền 2.000.000 đồng, ngày 11/12/2023 trả số tiền 2.300.000 đồng. Khi trả tiền lãi cho chị T, không làm biên nhận tiền.

Nay tôi còn nợ chị T số tiền vay là 70.000.000 đồng, đồng ý trả cho chị T 70.000.000 đồng nhưng do hoàn cảnh kinh tế gặp khó khăn nên xin trả 20.000.000 khi án có hiệu lực pháp luật số còn lại 50.000.000 đồng sẽ trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng. Tôi xin không trả tiền lãi tiếp theo, không yêu cầu tính lại tiền lãi đã trả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, phạm vi khởi kiện

Chị Hà Thị Kim T khởi kiện, yêu cầu anh Nguyễn Tiến T trả lại số tiền vay nên đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân

huyện Tân phú Đông theo khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn không có yêu cầu phản tố.

[2] Về nội dung khởi kiện

Tại phiên tòa, đại diện ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của chị T, yêu cầu anh T trả cho chị T số tiền vay còn nợ là 70.000.000 đồng. Tại phiên tòa, anh T thống nhất còn nợ chị T số tiền vay là 70.000.000 đồng và đồng ý trả cho chị T. Đây là sự tự nguyện của anh T, phù hợp với yêu cầu khởi kiện của chị T nên ghi nhận.

[3] Về yêu cầu trả tiền lãi

Tại phiên tòa, chị N yêu cầu anh T trả cho chị T tiền lãi của số tiền 70.000.000 đồng, tính từ ngày ngưng trả tiền lãi là 12/10/2023, đến ngày xét xử, làm tròn là 11 tháng, thành tiền lãi là 12.782.000 đồng. Anh T xin không trả lãi tiếp vì hoàn cảnh kinh tế đang gặp khó khăn. Tại phiên tòa, hai bên trình bày, khi vay có thỏa thuận trả lãi với lãi suất 6%/tháng. Chị N cho rằng anh T có trả tiền lãi cho chị T được 03 tháng. Anh T thì cho rằng có trả tiền lãi từ ngày 11/7/2023 đến ngày 11/12/2023, được 06 lần với số tiền là 21.000.000 đồng. Xét thấy, hai bên trình bày có thỏa thuận mức lãi suất 6%/tháng, nhưng không có chứng cứ để chứng minh. Nếu tính theo lãi suất 6%/tháng, trên số tiền vay 70.000.000 đồng, tiền lãi phải trả mỗi tháng là 4.200.000 đồng, nếu trả lãi 06 tháng thì tiền lãi sẽ là 25.200.000 đồng. Do đó, có cơ sở xác định mức lãi suất hai bên trình bày 6%/tháng, không phù hợp với mức lãi suất thực tế đã trả. Anh T thì cho rằng có trả cho chị T 06 tháng tiền lãi với số tiền là 21.000.000 đồng, nhưng không có chứng cứ để chứng minh. Do đó, xác định anh T đã trả tiền lãi cho chị T được 03 tháng, tức là ngưng trả tiền lãi từ ngày 12/10/2023, như thừa nhận của nguyên đơn. Anh T không yêu cầu tính lại tiền lãi đã trả nên không xem xét. Do các đương sự có tranh chấp về tiền lãi đã trả, không có cơ sở xác định mức lãi suất cụ thể, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, là 10%/năm (0,83%/tháng) để tính lãi suất tiếp theo từ ngày 12/11/2023 đến ngày xét xử, làm tròn 11 tháng, thành tiền lãi là 6.391.000 đồng (70.000.000 đồng x 11 tháng x 0,83%/ tháng).

[4] Về thời gian trả:

Chị N yêu cầu anh T trả cho chị T số tiền vay và tiền lãi làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật. Anh T xin trả 20.000.000 khi án có hiệu lực pháp luật, còn lại 50.000.000 đồng sẽ trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng. Xét thấy, khi vay tiền, hai bên thỏa thuận thời hạn vay là 12 tháng nên ngày trả tiền vay là 11/7/2024. Đến nay, anh T chưa trả được lần tiền nào nhưng lại xin trả dần sẽ làm thiệt thòi cho quyền lợi của chị T. Do đó, buộc anh T có nghĩa vụ trả cho chị T tiền vay, tiền lãi tổng cộng là 76.391.000 đồng, khi án có hiệu lực pháp luật.

[5] Về án phí:

- Anh T có nghĩa vụ trả tiền cho chị T nên phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Chị T không nộp án phí. Trả cho chị T tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều luật áp dụng:

- Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Điều 5 và khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị Kim T.
- Buộc anh Nguyễn Tiến T có nghĩa vụ trả cho chị Hà Thị Kim T số tiền vay, tiền lãi còn tổng cộng là 76.391.000 (*bảy mươi sáu triệu ba trăm chín mươi mốt nghìn*) đồng, trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Đến hạn trả tiền, nếu anh Nguyễn Tiến T không thực hiện việc trả tiền theo thời gian trên thì hàng tháng phải trả thêm khoản lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí:

+ Anh Nguyễn Tiến T có nghĩa vụ nộp 3.819.550 (*ba triệu tám trăm mười chín nghìn năm trăm năm mươi*) đồng, án phí dân sự sơ thẩm.

+ Trả cho chị Hà Thị Kim T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.011.400 *(hai triệu không trăm mười một nghìn bốn trăm)* đồng, theo biên lai thu số 0001772 ngày 08/72024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND H. Tân Phú Đông;
- THA DS H. Tân Phú Đông;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

NGUYỄN THỊ HOÀNG NHI